

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

22/2

071.113

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA21QLDL(CO-OP)

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22 / 02 / 2024Phòng thi: 071.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114621006	Lâm Tấn Đạt	27/03/2003	Nam	7.9	4.0	6.0	001	<u>D</u>		
2	114621017	Hoàng Mỹ Kim	04/03/2003	Nữ	8.3	4.8	6.6	002	<u>Hu</u>		
3	114621021	Mã Gia Linh	03/10/2003	Nữ	8.6	4.5	6.6	003	<u>Đ</u>		
4	114621023	Nguyễn Thị Hồng Mơ	12/04/2003	Nữ	8.0	3.8	5.9	004	<u>Đ</u>		
5	114621024	Nguyễn Thị Hồng My	21/05/2003	Nữ	8.9	4.0	6.5	005	<u>Đ</u>		
6	114621025	Nguyễn Ý Mỹ	21/09/2003	Nữ	9.6	4.0	6.8	006	<u>Hu</u>		
7	114621026	Phạm Dương Ngân	19/01/2003	Nữ	10.0	5.5	7.8	007	<u>Đ</u>		
8	114621032	Trịnh Thị Hồng Nhung	19/10/2003	Nữ	7.9	2.3	5.1	008	<u>Hu</u>		
9	114621033	Lê Phạm Tú Quyên	03/02/2003	Nữ	9.4	5.0	7.2	009	<u>Đ</u>		
10	114621041	Trần Thị Cẩm Thu	02/02/2003	Nữ	10.0	5.5	7.8	010	<u>Hu</u>		
11	114621042	Dương Thị Anh Thư	09/08/2003	Nữ	9.4	4.8	7.1	011	<u>Đ</u>		
12	114621043	Nguyễn Thị Bích Tiên	13/03/2003	Nữ	8.1	5.3	6.7	012	<u>Đ</u>		
13	114621047	Võ Thị Ngọc Tuyền	16/08/2003	Nữ	8.8	4.8	6.8	013	<u>Đ</u>		
14	114621057	Lâm Mỹ Quyên	09/03/2003	Nữ	10.0	5.8	7.9	014	<u>Đ</u>		
15	114621069	Trần Hồng Gấm	11/03/2002	Nữ	8.3	3.8	6.1	015	<u>Đ</u>		
16	114621078	Lê Thị Cẩm Tú	29/11/2003	Nữ	9.6	4.3	7.0	016	<u>Đ</u>		
17	114621080	Dương Thị Kiều Tiên	08/07/2003	Nữ	9.4	4.5	7.0	017	<u>Đ</u>		
18	114621084	Dương Trần Lê	29/08/2003	Nữ	9.1	4.0	6.6	018	<u>Đ</u>		
19	114621086	Nguyễn Bình Trúc Xinh	25/12/2003	Nữ	8.8	4.0	6.4	019	<u>Đ</u>		
20	114621091	Nguyễn Trọng Nguyễn	12/02/2003	Nam	10.0	5.8	7.9	020	<u>Đ</u>		
21	114621098	Thạch Lan	08/07/2003	Nam	8.1	5.0	6.6	021	<u>Đ</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 21Tổng số sv, hs dự đánh giá: 21Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 21

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Thạch Võ Ngọc Giàu

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 80 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 29 tháng 02 năm 2024Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương Phương LanCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lan

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA21QLDL(CO-OP)

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

02 / 02 / 2024

Phòng thi: D71.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114621100	Trần Thị Phương	Thảo	01/03/2003	Nữ	<u>7.8</u>	<u>3.8</u>	<u>5.8</u>	<u>022</u>	<u>[Chữ ký]</u>		
2	114621106	Nguyễn Quốc	Kiệt	21/04/2003	Nam	<u>10.0</u>	<u>4.8</u>	<u>7.4</u>	<u>001</u>	<u>[Chữ ký]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02...

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nal Võ Ngọc Giàu

Cán bộ ghi điểm: [Chữ ký] Cao Dương Phước Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: [Chữ ký].....

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA21YKF

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....22...../.....02...../.....2024

Phòng thi:.....D71.114.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116021026	Nguyễn Gia Huy	09/11/2002	Nam	9.6	4.0	6.8	001			
2	116021031	Trần Khánh Duy	19/10/2003	Nam	8.8	3.8	6.3	002			
3	116021049	Nguyễn Thị Kim Ngân	17/06/2001	Nữ	9.1	6.0	7.6	003			
4	116021060	Bành Phương Duyên	24/04/2003	Nữ	9.6	5.5	7.6	004			
5	116021097	Trần Đỗ Thanh Thiện	09/10/2003	Nam	9.1	5.5	7.3	005			
6	116021106	Nguyễn Hà Nguyên Châu	07/12/2003	Nam	9.3	4.3	6.8	006			
7	116021127	Đỗ Lâm Tâm Như	02/10/2003	Nữ	9.1	5.5	7.3	007			
8	116021138	Cao Quang Sang	18/06/2003	Nam	9.8	5.8	7.8	008			
9	116021143	Nguyễn Chí Thành	03/09/2003	Nam	9.6	4.5	7.1	009			
10	116021171	Huỳnh Xuân Hồng	17/09/2001	Nữ	8.6	4.3	6.5	010			
11	116021246	Nguyễn Trần Hữu Luân	29/10/2003	Nam	9.3	6.0	7.8	011			J-F
12	116021250	Huỳnh Hưng	19/02/2003	Nam	9.8	6.8	8.3	016			
13	116021275	Nguyễn Thị Anh Thư	30/12/1997	Nữ	9.6	6.8	8.2	020			
14	116021290	Nguyễn Hữu Điền	29/10/1990	Nam	8.9	5.0	7.0	021			
15	116021295	Đàm Thị Ánh Hồng	16/05/1992	Nữ	9.1	5.0	7.1	017			
16	116021312	Nguyễn Nhựt Trường	09/11/1995	Nam	10.0	6.0	8.0	012			
17	116021328	Nguyễn Minh Nhựt	08/06/2002	Nam	9.3	6.0	7.7	018			
18	116021330	Nguyễn Anh Thư	21/04/2002	Nữ	9.1	6.0	7.6	019			
19	116021342	Nguyễn Hoàng Phúc	24/11/2002	Nam	10.0	6.8	8.4	013			
20	116021358	Nguyễn Văn Tài	28/07/2002	Nam	10.0	6.0	8.0	014			
21	116021359	Nguyễn Thanh Sang	08/05/2003	Nam	8.8	5.5	7.2	015			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 21.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:21

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....21..

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....Bs Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm:.....Lưu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra:.....
Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

22/2

1771.112

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA21TSB

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22/2/2024

Phòng thi: D71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	110321072	Nguyễn Thị Thùy Trang	24/01/2003	Nữ	9.1	3.0	6.1	001	<u>trang</u>		
2	110321074	Kim Quang Trọng	01/11/2003	Nam	9.6	4.5	7.1	002	<u>trung</u>		
3	110321075	Lương Hiếu Trung	31/10/2003	Nam	6.8	2.3	4.6	003	<u>trung</u>		
4	110321076	Trần Vũ Trường	21/11/2003	Nam	9.6	2.8	6.2	004	<u>trung</u>		
5	110321083	Huỳnh Trung Vinh	12/08/2003	Nam	-	-	-	-	-		Cam Hi
6	110321085	Trần Thị Oanh Yến	31/12/2003	Nữ	8.3	4.5	6.4	006	<u>anh</u>		
7	110321090	Lâm Tấn Đạt	09/07/2003	Nam	6.3	2.3	4.3	007	<u>dat</u>		
8	110321091	Nguyễn Thị Diễm Trinh	16/03/2003	Nữ	10.0	4.3	7.2	008	<u>trinh</u>		
9	110321092	Nguyễn Huỳnh Đăng Khoa	10/10/2002	Nam	9.1	3.0	6.1	009	<u>khoa</u>		
10	110321093	Nguyễn Thị Như Ngọc	28/02/2003	Nữ	8.3	2.8	5.6	010	<u>ngoc</u>		
11	110321094	Nguyễn Trường An	20/12/2002	Nam	9.9	5.0	7.5	011	<u>an</u>		
12	110321099	Danh Chươl	05/09/2000	Nam	9.9	5.3	7.6	012	<u>ch</u>		
13	110321110	Huỳnh Thanh Nhân	08/01/2003	Nam	9.4	-	-	-	-		✓
14	110321112	Nguyễn Quang Vinh	22/06/2003	Nam	9.4	-	-	-	-		✓
15	110321115	Nguyễn Ngọc Ngân	16/12/2003	Nữ	9.1	3.8	6.5	015	<u>ngoc</u>		
16	110321116	Đặng Quốc Việt	18/01/2003	Nam	-	-	-	-	-		Cam Hi
17	110321118	Đỗ Nhật Tân	09/09/2003	Nam	9.9	5.0	7.5	017	<u>tan</u>		
18	110321123	Nguyễn Hữu Phú	24/02/2003	Nam	8.1	4.0	6.1	018	<u>ph</u>		
19	110321125	Phạm Minh Quân	28/07/2003	Nam	7.8	3.5	5.7	019	<u>qu</u>		
20	110321127	Nguyễn Văn Lê	26/11/2003	Nam	10.0	4.0	7.0	020	<u>le</u>		
21	110321138	Dương Quốc Khánh	04/11/2002	Nam	8.1	4.3	6.2	021	<u>kh</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 21

Tổng số sv, hs dự đánh giá:

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Phạm Hồng Sang

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

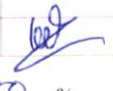
Nhóm/Lớp: (50 -)/DA21TSB

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
02 / 02 / 2024

Phòng thi: D 71/12

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110321140	Lê Hữu Trung	30/07/2001	Nam	14	3,3	5,9	022			

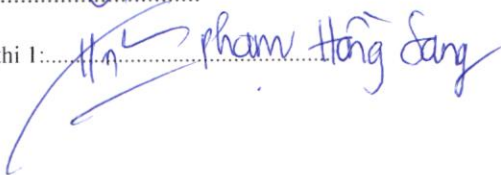
Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1:



Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: 

Cán bộ kiểm tra: 

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA22YKE

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22 / 02 / 2024

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116022323LT	Cao Thị Kim	Thùy	13/03/1990	Nữ	8.3	5.0	6.7	018			
2	116022329LT	Lý Kỳ	Yến	26/08/1998	Nữ	7.8	5.5	6.7	020			
3	116022330LT	Nguyễn Thị Kiều	Loan	08/02/1992	Nữ	8.3	6.0	7.2	021			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ: 03

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Đ. Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm: Đ. Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đ. Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA22YKA

CBGD: Trần Mộng Đầy (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22 / 02 / 2024

Phòng thi: D71 : 114

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116022003	Danh Bùi Ngọc	An	30/08/2004	Nữ	9.3	5,5	7,4	009			
2	116022009	Trần Ngọc Lan	Anh	21/07/2004	Nữ	9.8	5,3	7,6	00910			
3	116022048	Huỳnh Hoàng	Giang	10/06/2003	Nam	9.8	5,8	7,8	011			
4	116022282LT	Phan Thị Huyền	Anh	10/09/1988	Nữ	9.1	5,3	7,2	012			
5	116022283LT	Đào Trọng	Hội	08/10/1995	Nam	10.0	6,0	8,0	013			
6	116022326LT	Trần Thiện	Tri	26/03/1982	Nam	8.1	5,0	6,6	019			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06..

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06..

Tổng số tờ:

Điểm QT: 80 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Đ. Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm: Đ. Cao Dương Phước Can

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đ. Nguyễn Thị Lãnh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)
Số tín chỉ 2
Nhóm/Lớp: (50 -)/DA21YTC
CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
22 / 02 / 2024
Phòng thi: 071114

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	116121007	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	13/12/2003	Nữ	10.0	4.5	7.3	005	<u>8/5</u>		
2	116121011	Bùi Ngọc Thúy	Duy	04/06/2003	Nữ	10.0	4.5	7.3	006	<u>9/5</u>		
3	116121013	Phạm Thị Diễm	Thuý	20/04/1991	Nữ	9.0	4.5	6.8	007	<u>Chưa</u>		
4	116121014	Hoàng Trọng	Nghĩa	11/12/1992	Nam	8.5	4.3	6.4	008	<u>Tyline</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04.....
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04.....
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04.....
Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50...%; Điểm KT: 50...%

Trà Vinh, Ngày 29.. tháng 02... năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Ba Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm: Leu Cao Dương phước Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA22YKB

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Tiêu nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22 / 02 / 2024

Phòng thi: Đ7.1.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116022286LT	Nguyễn Thị Mỹ	Lan	01/01/1993	Nữ	7.9	6.0	7.0	014			
2	116022294LT	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	18/08/1995	Nữ	8.6	6.8	7.7	015			
3	116022295LT	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	28/10/1992	Nữ	9.3	6.3	7.8	016			
4	116022296LT	Thái Hồ Giang	Sang	20/04/1994	Nữ	9.0	6.3	7.7	017			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

22/2
ĐH 114 (19/30)

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA21YKD

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Tiểu luận

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22 / 02 / 2024

Phòng thi: ĐH 114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	116021315	Nguyễn Lý Vũ	27/01/1993	Nam	8.6	4.5	6.6	004			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01.....

Tổng số tờ: 1.....

Cán bộ coi thi 1: Đ. Nguyễn Thanh Thanh

Điểm QT: 50...%; Điểm KT: 50...%

Trà Vinh, Ngày 29.. tháng 02.. năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Lưu Cao Dương phước lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đ. Thanh

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA21DCN

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22 / 02 / 2024

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	112121061	Võ Văn Phú	12/06/2003	Nam	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>		<u>/</u>		<u>Cán K</u>

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: /

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: /

Tổng số tờ: /

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Đ. Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm: Đ. Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đ. Lành

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA21DDB

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22 / 02 / 2024

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115421131	Thạch Phụ Som	Ươne	10/12/2003	Nam	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>		<u>/</u>		<u>Cán' Phi</u>

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: /...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: /...

Tổng số tờ: /...

Cán bộ coi thi 1: B. Nguyễn Thanh Thanh

Điểm QT: 50...%; Điểm KT: 50...%

Trà Vinh, Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Thầy Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thầy Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (50 -)/DA20CK

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

22 / 02 / 2024

Phòng thi: D71 114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	111820009	Thạch Kim Hoàng	22/03/2002	Nam	✓	✓	✓	✓	✓		Cán bộ

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: ✓...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: ✓...

Tổng số tờ: ✓...

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 29 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: ✓

Nguyễn Thị Lành